

Phụ lục 10

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

BẢNG GHI ĐIỂM QUÁ TRÌNH

Học kỳ: 1 – Năm học: 2023 – 2024

Môn học/Nhóm: Cầu lông 2 – Nhóm 05
CBGD: Nguyễn Thành Quân

Số tín chỉ: 02

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	BP.1	BP.2	BP.3	BP.4	Đ. QT	Ghi chú
1	2122210162	Trần Quốc Bảo	10/06/2004	9	9	10	10	9.5	
2	2122200080	Trương Thị Bích Chi	28/07/2004	10	6	8	8	8.0	
3	2122120046	Lê Thị Hồng Cúc	13/12/2004	9	6	7	7	7.3	
4	2122210054	Đỗ Nguyễn Tuấn Duy	29/09/2004	10	9	8	8	8.8	
5	2122210057	Hồ Thị Thùy Duyên	22/08/2004	10	8	7	7	8.0	
6	2122120505	Võ Nguyễn Trúc Duyên	12/12/2004	10	6	6	6	7.0	
7	2122100201	Lê Thị Thu Hà	29/01/2004	8	8	6	6	7.0	
8	2122060048	Nguyễn Minh Hải	05/05/2004	5	7	7	7	6.5	
9	2122260115	Phan Thị Diệu Hiền	04/08/2003	7	7	7	7	7.0	
10	2122030243	Nguyễn Hưng	23/03/2004	8	10	10	10	9.5	
11	2121120030	Hồ Quốc Khải	20/10/2003	8	7	8	8	7.8	
12	2122210171	Nguyễn Minh Khang	28/09/2004	5	8	7	7	6.8	
13	2122200206	Phan Thị Thuý Kiều	04/04/2004	9	6	8	8	7.8	
14	2122120248	Trần Thị Lài	16/03/2004	7	6	6	6	6.3	
15	2122240106	Bùi Thị Trúc Linh	11/09/2004	7	8	8	8	7.8	
16	2122270132	Châu Bội Linh	08/05/2004	9	6	7	7	7.3	
17	2122270058	Châu Thị Hoài Linh	13/08/2004	7	7	8	8	7.5	

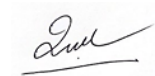
STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	BP.1	BP.2	BP.3	BP.4	Đ. QT	Ghi chú
18	2122270059	Đào Thị Thùy	Linh	22/07/2004	5	6	8	8	6.8	
19	2122100168	Lục Tú	Linh	31/01/2004	7	8	8	8	7.8	
20	2122210027	Nguyễn Tạ Kim	Luu	01/08/2004	10	8	6	6	7.5	
21	2122120244	Trần Thị Thảo	Ly	26/07/2004	7	10	8	8	8.3	
22	2122210046	Nguyễn Thị	My	27/09/2004	10	6	8	8	8.0	
23	2122120034	Chàm Lý	Na	18/11/2003	9	9	9	9	9.0	
24	2122200176	Nguyễn Thị Kim	Na	23/08/2004	8	6	9	9	8.0	
25	2122240067	Võ Thị Ánh	Nga	25/01/2004	7	9	7	7	7.5	
26	2122270057	Võ Thị Thu	Nga	18/04/2004	7	6	7	7	6.8	
27	2122200205	Đặng Thị Kim	Ngân	25/10/2004	9	7	8	8	8.0	
28	2122120536	Nguyễn Thị	Ngân	20/12/2003	9	9	7	7	8.0	
29	2122120254	Nguyễn Thùy	Ngân	24/04/2004	6	10	7	7	7.5	
30	2122260064	Đinh Ngọc Mẫn	Nghi	08/04/2004	6	6	6	6	6.0	
31	2121100249	Nguyễn Hoàng	Nhật	17/03/2003	10	8	8	8	8.5	
32	2122120246	Nguyễn Thị Ý	Nhi	12/12/2004	0	0	0	0	0.0	Vắng
33	2122200102	Phạm Ngọc Uyển	Nhi	21/06/2004	7	7	8	8	7.5	
34	2122210170	Nguyễn Thị	Như	25/06/2004	7	9	9	9	8.5	
35	2122120061	Đinh Nguyễn Yến	Ni	13/04/2004	9	7	7	7	7.5	
36	2122100208	Nguyễn Thị	Oanh	04/09/2004	10	8	7	7	8.0	
37	2122070046	Phạm Thị Kiều	Oanh	21/04/2004	7	10	8	8	8.3	
38	2122060064	Nguyễn Tấn	Phước	22/09/2004	7	7	8	8	7.5	
39	2122210052	Lê Thanh	Quân	12/05/2004	10	7	8	8	8.3	
40	2122060045	Bùi Anh	Quang	05/05/2003	9	7	9	9	8.5	
41	2122260063	Trương Thị Ngọc	Quyên	07/09/2004	7	8	9	9	8.3	
42	2122060047	Nguyễn Huy	Quyên	24/08/2004	5	7	7	7	6.5	
43	2122210076	Mai Như	Quỳnh	27/02/2004	10	9	7	7	8.3	

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	BP.1	BP.2	BP.3	BP.4	Đ. QT	Ghi chú
44	2122120526	Trần Vi Như Quỳnh	10/09/2004	9	10	8	8	8.8	
45	2121200116	Hà Thị Huyền Sương	03/02/2003	7	6	7	7	6.8	
46	2122120249	Ngô Văn Tài	17/12/2004	9	8	7	7	7.8	
47	2122120262	Cao Thị Phương Thảo	26/03/2004	10	9	7	7	8.3	
48	2122200207	Dương Thị Thanh Thảo	11/06/2004	6	6	8	8	7.0	
49	2122270017	Nguyễn Thị Thanh Thảo	18/01/2004	5	8	8	8	7.3	
50	2121120391	Trần Thị Thảo	24/12/2003	8	8	8	8	8.0	
51	2122120148	Phan Thị Mỹ Thơ	13/02/2004	9	9	6	6	7.5	
52	2122110066	Nguyễn Duy Thời	02/01/2004	10	6	9	9	8.5	
53	2122200184	Nguyễn Thị Anh Thư	26/10/2003	6	6	7	7	6.5	
54	2122200103	Trần Thị Thanh Thương	05/03/2004	7	6	7	7	6.8	
55	2122210067	Trần Thị Nghi Thường	20/11/2004	10	8	7	7	8.0	
56	2122210040	Trần Thị Lệ Thùy	10/10/2004	7	9	9	9	8.5	
57	2122100243	Vũ Thị Thu Thủy	19/05/2004	9	6	8	8	7.8	
58	2121270025	Nguyễn Ngọc Anh Thy	04/11/2003	7	9	8	8	8.0	
59	2122260145	Đặng Thị Hồng Tiên	23/04/2004	10	8	8	8	8.5	
60	2121200131	Vũ Thị Thủy Tiên	29/04/2001	5	9	8	8	7.5	
61	2122200079	Nguyễn Thị Tiên	13/05/2004	10	6	7	7	7.5	
62	2122200121	Quách Thị Ngọc Trinh	01/12/2003	10	7	7	7	7.8	
63	2122120265	Trần Thị Thanh Trúc	14/06/2004	7	7	7	7	7.0	
64	2122270117	Lê Thị Cẩm Tú	18/01/2004	6	6	7	7	6.5	
65	2122120242	Nguyễn Thị Cẩm Tú	28/09/2004	10	10	9	9	9.5	
66	2122060011	Nguyễn Thanh Tuấn	02/08/2004	10	9	9	9	9.3	
67	2122120442	Phạm Thị Xuân Tuyền	28/05/2004	7	7	8	8	7.5	
68	2122200133	Đặng Phương Uyên	06/09/2004	5	5	8	8	6.5	
69	2122120261	Trần Thị Mỹ Uyên	24/05/2004	7	5	6	6	6.0	

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	BP.1	BP.2	BP.3	BP.4	Đ. QT	Ghi chú
70	2122240003	Nguyễn Thị Kim Vân	15/08/1998	10	6	6	6	7.0	
71	2122120542	Nguyễn Thị Mỹ Vân	08/03/2004	10	9	8	8	8.8	
72	2122260133	Nguyễn Khánh Văn	11/06/2003	7	6	7	7	6.8	
73	2122060055	Long Quốc Viên	17/06/2003	10	8	6	6	7.5	
74	2122030062	Nguyễn Huỳnh Thái Vũ	17/05/2004	7	10	6	6	7.3	
75	2122100238	Nguyễn Thị Ngọc Yến	09/06/2003	8	7	9	9	8.3	

TP. HCM, ngày 08 tháng 01 năm 2024

Giảng viên



Nguyễn Thành Quân

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

BẢNG GHI ĐIỂM MÔN HỌC/HỌC PHẦN
Học kỳ: 1 – Năm học: 2023 – 2024

Môn học/Nhóm: Cầu lông 2 – Nhóm 05
CBGD: Nguyễn Thành Quân

Số tín chỉ: 02

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Đ. QT	Đ.THI	Đ.TK	Ghi chú
1	2122210162	Trần Quốc	Bảo	10/06/2004	9.5	10.0	9.8	
2	2122200080	Trương Thị Bích	Chi	28/07/2004	8.0	7.0	7.4	
3	2122120046	Lê Thị Hồng	Cúc	13/12/2004	7.3	5.0	5.9	
4	2122210054	Đỗ Nguyễn Tuấn	Duy	29/09/2004	8.8	8.0	8.3	
5	2122210057	Hồ Thị Thùy	Duyên	22/08/2004	8.0	6.0	6.8	
6	2122120505	Võ Nguyễn Trúc	Duyên	12/12/2004	7.0	5.0	5.8	
7	2122100201	Lê Thị Thu	Hà	29/01/2004	7.0	7.0	7.0	
8	2122060048	Nguyễn Minh	Hải	05/05/2004	6.5	8.0	7.4	
9	2122260115	Phan Thị Diệu	Hiền	04/08/2003	7.0	8.0	7.6	
10	2122030243	Nguyễn	Hưng	23/03/2004	9.5	10.0	9.8	
11	2121120030	Hồ Quốc	Khải	20/10/2003	7.8	8.0	7.9	
12	2122210171	Nguyễn Minh	Khang	28/09/2004	6.8	5.0	5.7	
13	2122200206	Phan Thị Thuý	Kiều	04/04/2004	7.8	7.0	7.3	
14	2122120248	Trần Thị	Lài	16/03/2004	6.3	5.0	5.5	
15	2122240106	Bùi Thị Trúc	Linh	11/09/2004	7.8	5.0	6.1	
16	2122270132	Châu Bội	Linh	08/05/2004	7.3	7.0	7.1	
17	2122270058	Châu Thị Hoài	Linh	13/08/2004	7.5	7.0	7.2	
18	2122270059	Đào Thị Thùy	Linh	22/07/2004	6.8	7.0	6.9	

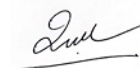
STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Đ. QT	Đ. THI	Đ. TK	Ghi chú
19	2122100168	Lục Tú Linh	31/01/2004	7.8	8.0	7.9	
20	2122210027	Nguyễn Tạ Kim Lư	01/08/2004	7.5	5.0	6.0	
21	2122120244	Trần Thị Thảo Ly	26/07/2004	8.3	8.0	8.1	
22	2122210046	Nguyễn Thị My	27/09/2004	8.0	7.0	7.4	
23	2122120034	Châm Lý Na	18/11/2003	9.0	8.0	8.4	
24	2122200176	Nguyễn Thị Kim Na	23/08/2004	8.0	7.0	7.4	
25	2122240067	Võ Thị Ánh Nga	25/01/2004	7.5	9.0	8.4	
26	2122270057	Võ Thị Thu Nga	18/04/2004	6.8	8.0	7.5	
27	2122200205	Đặng Thị Kim Ngân	25/10/2004	8.0	8.0	8.0	
28	2122120536	Nguyễn Thị Ngân	20/12/2003	8.0	7.0	7.4	
29	2122120254	Nguyễn Thùy Ngân	24/04/2004	7.5	7.0	7.2	
30	2122260064	Đinh Ngọc Mẫn Nghi	08/04/2004	6.0	8.0	7.2	
31	2121100249	Nguyễn Hoàng Nhật	17/03/2003	8.5	7.0	7.6	
32	2122120246	Nguyễn Thị Ý Nhi	12/12/2004	0.0	0.0	0.0	Vắng
33	2122200102	Phạm Ngọc Uyển Nhi	21/06/2004	7.5	8.0	7.8	
34	2122210170	Nguyễn Thị Như	25/06/2004	8.5	9.0	8.8	
35	2122120061	Đinh Nguyễn Yến Ni	13/04/2004	7.5	8.0	7.8	
36	2122100208	Nguyễn Thị Oanh	04/09/2004	8.0	8.0	8.0	
37	2122070046	Phạm Thị Kiều Oanh	21/04/2004	8.3	7.0	7.5	
38	2122060064	Nguyễn Tấn Phước	22/09/2004	7.5	5.0	6.0	
39	2122210052	Lê Thanh Quân	12/05/2004	8.3	7.0	7.5	
40	2122060045	Bùi Anh Quang	05/05/2003	8.5	8.0	8.2	
41	2122260063	Trương Thị Ngọc Quyên	07/09/2004	8.3	9.0	8.7	
42	2122060047	Nguyễn Huy Quyền	24/08/2004	6.5	6.0	6.2	
43	2122210076	Mai Như Quỳnh	27/02/2004	8.3	6.0	6.9	
44	2122120526	Trần Vi Như Quỳnh	10/09/2004	8.8	8.0	8.3	

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Đ. QT	Đ. THI	Đ. TK	Ghi chú
45	2121200116	Hà Thị Huyền Sương	03/02/2003	6.8	6.0	6.3	
46	2122120249	Ngô Văn Tài	17/12/2004	7.8	7.0	7.3	
47	2122120262	Cao Thị Phương Thảo	26/03/2004	8.3	8.0	8.1	
48	2122200207	Dương Thị Thanh Thảo	11/06/2004	7.0	8.0	7.6	
49	2122270017	Nguyễn Thị Thanh Thảo	18/01/2004	7.3	7.0	7.1	
50	2121120391	Trần Thị Thảo	24/12/2003	8.0	5.0	6.2	
51	2122120148	Phan Thị Mỹ Thơ	13/02/2004	7.5	7.0	7.2	
52	2122110066	Nguyễn Duy Thời	02/01/2004	8.5	5.0	6.4	
53	2122200184	Nguyễn Thị Anh Thư	26/10/2003	6.5	7.0	6.8	
54	2122200103	Trần Thị Thanh Thương	05/03/2004	6.8	6.0	6.3	
55	2122210067	Trần Thị Nghi Thường	20/11/2004	8.0	5.0	6.2	
56	2122210040	Trần Thị Lệ Thùy	10/10/2004	8.5	8.0	8.2	
57	2122100243	Vũ Thị Thu Thủy	19/05/2004	7.8	9.0	8.5	
58	2121270025	Nguyễn Ngọc Anh Thy	04/11/2003	8.0	6.0	6.8	
59	2122260145	Đặng Thị Hồng Tiên	23/04/2004	8.5	7.0	7.6	
60	2121200131	Vũ Thị Thủy Tiên	29/04/2001	7.5	8.0	7.8	
61	2122200079	Nguyễn Thị Tiền	13/05/2004	7.5	7.0	7.2	
62	2122200121	Quách Thị Ngọc Trinh	01/12/2003	7.8	5.0	6.1	
63	2122120265	Trần Thị Thanh Trúc	14/06/2004	7.0	6.0	6.4	
64	2122270117	Lê Thị Cẩm Tú	18/01/2004	6.5	7.0	6.8	
65	2122120242	Nguyễn Thị Cẩm Tú	28/09/2004	9.5	9.0	9.2	
66	2122060011	Nguyễn Thanh Tuấn	02/08/2004	9.3	8.0	8.5	
67	2122120442	Phạm Thị Xuân Tuyền	28/05/2004	7.5	7.0	7.2	
68	2122200133	Đặng Phương Uyên	06/09/2004	6.5	6.0	6.2	
69	2122120261	Trần Thị Mỹ Uyên	24/05/2004	6.0	5.0	5.4	
70	2122240003	Nguyễn Thị Kim Vân	15/08/1998	7.0	5.0	5.8	

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Đ. QT	Đ.THI	Đ.TK	Ghi chú
71	2122120542	Nguyễn Thị Mỹ Vân	08/03/2004	8.8	8.0	8.3	
72	2122260133	Nguyễn Khánh Văn	11/06/2003	6.8	8.0	7.5	
73	2122060055	Long Quốc Viên	17/06/2003	7.5	6.0	6.6	
74	2122030062	Nguyễn Huỳnh Thái Vũ	17/05/2004	7.3	5.0	5.9	
75	2122100238	Nguyễn Thị Ngọc Yến	09/06/2003	8.3	8.0	8.1	

TP. HCM, ngày 08 tháng 01 năm 2024

Giảng viên



Nguyễn Thành Quân